

Số: **21** /BDD-HĐQT

Bình Định, ngày **03** tháng **3** năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ chỉ tiêu kế hoạch dư nợ cho vay hộ nghèo, người khuyết tật và xuất khẩu lao động từ nguồn vốn địa phương năm 2017**

**TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH;

Xét đề nghị của Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Bình Định tại Tờ trình số 108/TTr-NHCSBĐ ngày 14/02/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2017 cho Phòng giao dịch NHCSXH thị xã An Nhơn theo danh mục đính kèm.

**Điều 2.** Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH thị xã An Nhơn trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thị xã phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2017 được giao tại Quyết định này theo đúng quy định cho các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thị xã An Nhơn, Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *[Chữ ký]*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP Nguyễn Đức Thi;
- Lưu: VT, K20 *[Chữ ký]*

**TM. BDD HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Nguyễn Tuấn Thanh**

**DANH MỤC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2017**  
**NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**  
**CỦA NHCSXH THỊ XÃ AN NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số 31/BĐD-HĐQT ngày 03 tháng 3 năm 2017  
 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch tín dụng NHCSXH tỉnh)



Đơn vị: triệu đồng

| STT | Nội dung                                       | Kế hoạch<br>dự nợ năm<br>2016 | Giao<br>tăng/giảm<br>so với kế<br>hoạch dự<br>nợ năm<br>2016 | Chỉ tiêu kế<br>hoạch năm<br>2017 |
|-----|------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Hộ nghèo                                       | 503                           | 0                                                            | 503                              |
| 2   | Xuất khẩu lao động có thời hạn<br>ở nước ngoài | 140                           | -40                                                          | 100                              |
| 3   | Khuyết tật                                     | 100                           | 0                                                            | 100                              |